TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thịnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quang Chung.
Ông Phạm Công Gia.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiển sát viên.

Ngày 05/6/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị K – sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp 1, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh T – sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp 1, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

(Chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/12/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2006.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột và đánh đập nhau. Chị cũng đã cố gắng tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Vì vậy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị K thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/4/2007 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 05/9/2015, hiện chị K đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, cháu H1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý số 12/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 cho anh T. Anh T đã biết được việc chị K xin ly hôn với anh nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên anh T không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị K đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), Giấy khai sinh con chung (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), bản tự khai (bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 18/3/2020 đối với bà Đ, bà Y, ông Nguyễn Tấn H3. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị K không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 91, 92, 93, 94 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị K, cho chị K được ly hôn anh T.

+Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/4/2007 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 05/9/2015 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân

và gia đình. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử nên khi nào các đương sự yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị K phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị K có đơn khởi kiện ly hôn , tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn với anh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và xác định chị K là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[1.2] Anh T là bị đơn có nơi cư trú tại xã T1, huyện T2 tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Nguyên đơn chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị K và bị đơn anh T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị K và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2006. Như vậy, hôn nhân giữa chị K và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị K yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự , kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị K yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột.

Qua xác minh tại địa phương thì đã xác định được gia đình chị K và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác sống không chung thủy với chị K, ngoài ra do anh T không tu chí làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình nên làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hòa giải đoàn tụ được.

Xét thấy, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không đến tòa làm việc, thể hiện anh T không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định chị K và anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy

định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh, chị có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị K, cho chị được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh T có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/4/2007 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 05/9/2015. Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Cháu H, cháu H1 hiện đang do chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị K. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/4/2007 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 05/9/2015 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của anh T. Để đảm bảo quyền, lợi ích của chị K, anh T, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 91, 92, 93, 94 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị K được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/4/2007 và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 05/9/2015 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị K, anh T có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2/ *Về án phí:* Chị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp theo biên lai thu số 006006 ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Phú được chuyển thành án phí.

3/ Chị K, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T (để ghi vào sổ hộ tịch; số 65/2006, quyển số 01 ngày 20/10/2006);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thịnh